TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HS-ST
Ngày 26-02-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huề
2. Ông Phạm Ngọc Túy

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Viết Dũng-Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2019, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2019 đối với:

Bị cáo Lương Ngọc Đ, sinh ngày 11 tháng 4 năm 2000; tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông: Lương Ngọc V(đã chết), và bà: Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; vợ, con: chưa có; tiền án tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 76/HSPT ngày 26, 30/8/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình phạt 02 năm 09 tháng tù về tội "Cướp tài sản", ngày 26/4/2018 chấp hành xong hình phạt tù, tại thời điểm phạm tội cướp tài sản bị cáo chưa đủ 16 tuổi, theo điểm a khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự thì được coi là không có án tích; bị tạm giữ từ ngày 22/11/2018, chuyển tạm giam từ ngày 28/11/2018 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 14 giờ ngày 19/11/2018, khi đang chơi ở nhà bạn là Nguyễn Đức P ở thôn L, xã Q, huyện Q, Lương Ngọc Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhà ông ngoại là Nguyễn Đức Q cùng thôn với P để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Đ nói với P là đi ra ngoài một lúc rồi đi bộ theo đường bờ ruộng để đến nhà ông Q. Nhà ông Q chung sân với nhà bà Nguyễn Thị L, Đ trèo tường bao cao khoảng 1,5 mét vào vườn nhà bà L rồi sang nhà ông Q, thấy cửa khóa bên ngoài và chốt bên trong, do biết cánh cửa chính bên phải được cài then ngang bên trong nên Đ dùng hai tay bám chặt vào tay nắm cửa, dùng sức giật mạnh ra phía ngoài làm cong then sắt và mở được cửa, Đ đi vào trong nhà lục tìm tài sản trong tủ nhựa đựng quần áo để ở phòng ngủ nhưng không lấy được gì. Đ đi sang nhà bà L, thấy cánh cửa chính bên trái cài chốt bên trong, Đ tiếp tục dùng hai tay bám vào tay nắm cửa giật mạnh làm cong then sắt và mở được cửa. Đ đi vào trong nhà, khép cửa lại rồi đi vào phòng ngủ, thấy trên kệ cạnh giường có một chiếc valy màu nâu có hai khóa kéo, Đ mở khóa kéo ngăn nhỏ phía trên, bên trong có 3.100.000 đồng gồm 06 tờ tiền polyme mệnh giá 500.000 đồng và 01 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng. Đ lấy số tiền trên cất vào túi quần bò phía sau bên phải rồi đi sang phòng đối diện tìm tài sản trong các túi áo khoác treo trên tường, thấy có 02 chiếc chìa khóa được móc với nhau, Đ mang 02 chìa khóa ra gian nhà ngoài, tra vào ổ khóa cánh cửa tủ bên phải theo hướng nhìn từ ngoài nhìn vào thì mở được tủ, trong tủ có nhiều quần áo cũ và 01 túi nilon màu trắng, trong túi có một chiếc quần màu nâu và 04 hộp nhựa hình tròn màu cam, có kích thước tương tự nhau, đường kính mỗi hộp khoảng 03cm, loại hộp dùng để đựng vàng. Đ mở các hộp nhựa ra, hộp thứ nhất có 01 sợi dây chuyền vàng và 01 đôi bông tai vàng, hộp thứ hai có 01 nhẫn vàng hình tròn trơn, hộp thứ ba có 01 nhẫn vàng mặt vuông và hộp thứ tư không có gì. Đ lấy số vàng trên bỏ vào túi quần bò phía trước bên phải sau đó để các hộp đựng vàng vào túi nilon, khóa cánh cửa tủ, cất chìa khóa vào vị trí cũ, khép cửa lại rồi theo lối cũ trèo qua tường bao ra ngoài.

Đ đi bộ về đến nhà P và gọi điện cho bạn là Vũ Mạnh H đến đưa về nhà thay quần áo rồi chở Đ lên thị trấn Q huyện Q chơi game còn H đi về nhà. Khoảng 17 giờ cũng ngày, Đ đi bộ đến hiệu vàng K ở thị trấn Q huyện Q bán 01 chiếc nhẫn vàng hình tròn trơn loại 01 chỉ vàng 9999 lấy 3.430.000 đồng chi tiêu cá nhân hết. Khoảng 10 giờ ngày 21/11/2018, Đ cất giấu sợi dây chuyền vàng trên nóc tủ tivi của gia đình, sau đó đi xe ôm đến hiệu vàng của anh Nguyễn Xuân D ở thị trấn Đ, huyện Đ bán 01 đôi bông tai loại 1,5 chỉ vàng 9999 lấy 5.070.000 đồng và đi đến hiệu vàng của ông Nguyễn Văn T cùng ở thị trấn Đ, huyện Đ bán 01 chiếc nhẫn vàng hình tròn mặt vuông loại 02 chỉ vàng 9999 lấy

6.760.000 đồng. Số tiền bán nhẫn và bông tai này Đ đã sử dụng để chi tiêu cho bản thân. Đến ngày 22/11/2018, biết không thể trốn tránh pháp luật, Đ đã đến Công an huyện Quỳnh Phụ đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên đồng thời tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 sợi dây chuyền vàng và số tiền 2.600.000 đồng.

Biên bản kết luận định giá tài sản ngày 23/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ kết luận: Vàng loại 9999 có giá 3.430.000 đồng/01 chỉ; tổng trị giá 01 sợi dây chuyền có trọng lượng 02 chỉ + 01 nhẫn 01 chỉ + 01 nhẫn 02 chỉ + 01 đôi bông tai 1,5 chỉ, tổng cộng là 6,5 chỉ vàng trị giá 22.295.000đ (*Hai mươi hai triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng*).

Tổng tài sản bị cáo Lương Ngọc Đ trộm cắp của bà Nguyễn Thị L bị truy tố trong vụ án là 6,5 chỉ vàng trị giá 22.295.000 đồng và 3.100.000 đồng tiền mặt, tổng cộng là 25.395.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo khai, chiều ngày 19/11/2018, bị cáo đã dùng tay giật cong then cửa để vào nhà bà Nguyễn Thị L lấy tổng cộng 6,5 chỉ vàng; trong đó 01 sợi dây chuyền có trọng lượng 02 chỉ, 01 nhẫn 01 chỉ, 01 nhẫn 02 chỉ, 01 đôi bông tai 1,5 chỉ và 3.100.000 đồng tiền mặt. Số vàng lấy được bị cáo đã bán cho các cửa hiệu vàng đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo nhất trí kết luận của Hội đồng định giá tài sản về giá vàng tại thời điểm bị cáo trộm cắp; bị cáo đã nộp lại cho cơ quan Điều tra 01 sợi dây chuyền vàng 02 chỉ và 2.600.000 đồng; bị cáo nhận trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền còn lại cho bị hại.

Bị hại là bà Nguyễn Thị L khai: Chiều ngày 19/11/2018, bà đi ra đồng hái rau, khoảng 15 giờ 30 phút về nhà, bà phát hiện kẻ gian đã cạy cửa vào nhà bà lấy đi 3.100.000 đồng và 6,5 chỉ vàng gồm: 01 sợi dây chuyền 02 chỉ, 01 nhẫn 01 chỉ, 01 nhẫn 02 chỉ, 01 đôi bông tai 1,5 chỉ. Bà đã được cơ quan Điều tra trả lại 01 dây chuyền vàng 02 chỉ và 2.600.000 đồng; bà nhất trí kết luận định giá về trị giá vàng của Hội đồng định giá tài sản; bà yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường trị giá tiền vàng đã trộm cắp còn lại là 15.935.000 đồng. Do giữa bà và bị cáo có quan hệ họ hàng, do đó bà xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của những người làm chứng có trong hồ sơ vụ án có nội dung đúng như nội dung bản cáo trạng và bị cáo đã trình bày tại phiên tòa.

Bản cáo trạng số 12/CT-VKSQP ngày 23/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Lương Ngọc Đ về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*" và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 50

và Điều 38 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Lương Ngọc Đ từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù
tính từ ngày 22/11/2018; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 584; 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại cho bà Nguyễn Thị L là 15.935.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu để tiêu hủy 01 then cửa bằng kim loại của bà Nguyễn Thị L. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức đã vi phạm pháp luật, rất hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi của mình. Bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người làm chứng, sơ đồ hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, biên bản định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ ngày 19/11/2018, lợi dụng lúc gia đình bà Nguyễn Thị L đi làm không có người trông nhà, Lương Ngọc Đ đã có hành vi cạy cửa vào nhà lấy đi 6,5 chỉ vàng loại vàng 9999 gồm: 01 sợi dây chuyền trọng lượng 02 chỉ, 01 chiếc nhẫn 01 chỉ, 01 chiếc nhẫn lượng 02 chỉ, 01 đôi bông tai 1,5 chỉ, tổng trị giá vàng là 22.295.000 đồng và 3.100.000 đồng tiền mặt (VND), tổng tài sản bị cáo lấy của bà Nguyễn Thị L trị giá 25.395.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố và kết luận bị cáo Lương Ngọc Đ phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo là đơn giản, không dùng công cụ, thủ đoạn nguy hiểm nhưng hành vi của bị cáo thực hiện ngay ban ngày, đối tượng nhằm vào người nhà của bị cáo; sau khi cạy cửa vào nhà ông ngoại bị cáo không lấy được gì, bị cáo tiếp tục cạy cửa nhà bà Llà họ hàng của bị cáo để lấy tài sản, điều đó thể hiện sự táo bạo và quyết tâm phạm tội cao, do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng tình tiết giảm nhẹ "*thành khẩn khai báo*" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do đó cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Qua phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng và xét thấy, năm 2016, bị cáo đã bị xét xử về tội cướp tài sản với mức án 02 năm 09 tháng tù, nhưng do khi phạm tội bị cáo chưa đủ 16 tuổi nên được coi là không có tiền án, ở lần phạm tội này bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nhưng bị cáo không chịu nhận thức để tu sửa bản thân, do đó bị cáo phải chịu mức án tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra và việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội trong thời gian chấp hành hình phạt là cần thiết để giáo dục bị cáo và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung, như mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*" do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

[7] Trong vụ án này, ông Phạm Thanh L, anh Nguyễn Xuân D và ông Nguyễn Văn T là người mua vàng của bị cáo; anh Nguyễn Đức P là bạn bị cáo, bị cáo có đến nhà chơi trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; anh Vũ Mạnh H được bị cáo nhờ chở về nhà sau khi trộm cắp, những người này đều không biết về hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo, do đó cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trộm cắp của bà Nguyễn Thị L tổng cộng 6,5 chỉ vàng 9999 và 3.100.000 đồng; sau khi đầu thú, bị cáo đã nộp lại cho Cơ quan Điều tra 01 dây chuyền vàng 02 chỉ và 2.600.000 đồng, Cơ quan Điều tra đã trả lại bà L số tài sản trên. Số vàng bị cáo đã bán là 4,5 chỉ trị giá 15.435.000 đồng và 500.000 đồng bị cáo chi tiêu, cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà L là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 584; 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

[9] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Điều tra quản lý của bà Nguyễn Thị L 01 then cửa bằng kim loại hình trụ dài 18cm, đường kính 1,5cm, đầu to 2cm, giữa có vết hàn. Đây then của nhà bà L dùng cài cánh cửa đã bị bị cáo bẻ cong để mở cửa vào nhà trộm cắp tài sản, tại phiên tòa bà L không xin lại vì giá trị sử dụng không đáng kể, do đó cần tịch thu để tiêu hủy.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật; bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo Lương Ngọc Đ phạm tội "*Trộm cắp tài sản*"

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Lương Ngọc Đ 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2018.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, các điều 584; 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Lương Ngọc Đ có trách nhiệm bồi thường cho bà Nguyễn Thị L số tiền 15.935.000đ (*Mười lăm triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi

hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu để tiêu hủy 01 then cửa bằng kim loại hình trụ dài 18cm, đường kính 1,5cm, đầu to 2cm, giữa có vết hàn của bà Nguyễn Thị L.

Vật chứng trên đang được chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện và chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình ngày 23/01/2019.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Lương Ngọc Đ phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 796.750đ (*Bảy trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Liên
(đã ký)